

THỰC TRẠNG NHẬN THỨC CỦA CHA MẸ CÓ CON TUỔI VỊ THÀNH NIÊN VỀ BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG: MỘT NGHIÊN CỨU TẠI TỈNH BẮC GIANG

Nguyễn Diệp Hà, Rơ Đăm Thị Bích Ngọc

Viện Xã hội học và Tâm lý học.

TÓM TẮT

Bạo lực học đường đang trở thành một vấn đề xã hội nghiêm trọng, để lại nhiều hệ lụy đối với sức khỏe tinh thần và sự phát triển toàn diện của học sinh. Bên cạnh học sinh và giáo viên, cha mẹ cũng là nhóm đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các hành vi bạo lực học đường, song vẫn còn ít nghiên cứu chuyên sâu tại Việt Nam tập trung vào khía cạnh này. Nghiên cứu nhằm khảo sát thực trạng nhận thức của cha mẹ có con ở tuổi vị thành niên về bạo lực học đường trên mẫu khách thể gồm 208 cha mẹ có con đang học tại bậc trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (nay là Bắc Ninh). Công cụ thu thập dữ liệu là bảng hỏi cấu trúc theo thang đo Likert 4 mức độ, bao gồm các nhóm nội dung: nhận thức về thực trạng bạo lực học đường, các hình thức, nguyên nhân - hậu quả của bạo lực học đường. Dữ liệu được xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả. Kết quả nghiên cứu cho thấy cha mẹ nhận diện rõ bạo lực thể chất nhưng còn hạn chế với bạo lực tinh thần, xã hội và bạo lực qua mạng. Họ xem gia đình và cá nhân học sinh là nguyên nhân chính, tuy nhận thức rõ hậu quả tâm lý nghiêm trọng, song vẫn tồn tại quan điểm xem nhẹ.

Từ khóa: *Bạo lực học đường; Cha mẹ; Vị thành niên; Nhận thức.*

Ngày nhận bài: 28/6/2025; Ngày duyệt đăng bài: 25/8/2025.

1. Mở đầu

Bạo lực học đường là một vấn đề toàn cầu đang ngày càng nhận được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu, nhà hoạch định chính sách, nhà giáo dục và cộng đồng xã hội. Theo UNESCO (2020), cứ ba học sinh trên thế giới thì có một em từng là nạn nhân của ít nhất một hình thức bạo lực tại trường học. Một nghiên cứu quy mô lớn ở 79 quốc gia cho thấy tỷ lệ học sinh bị bắt nạt dao động từ 10% đến trên 45%, tùy thuộc vào vị trí địa lý, giới tính và chính sách giáo dục của từng quốc gia (Modecki và cộng sự, 2014; OECD, 2019). Ở các quốc gia phát triển như Hoa Kỳ, Anh, Úc, tỷ lệ bạo lực học đường dưới hình thức bạo lực mạng có xu hướng gia tăng mạnh trong thập kỷ qua, đặc biệt sau giai đoạn đại dịch COVID-19 (Kowalski và cộng sự, 2021). Ngoài ra, nghiên cứu của Gini và Pozzoli (2021) cho thấy khoảng 70% học sinh từng chứng kiến ít nhất một hành vi bạo lực trong lớp học và trên 20% từng trải qua vai trò “kẻ bắt nạt” hoặc “nạn

nhân”. Những số liệu này cho thấy mức độ phổ biến, đa dạng và nghiêm trọng của bạo lực học đường trên phạm vi toàn cầu.

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO, 2022) và UNESCO (2020) cũng đã khẳng định bạo lực học đường là một trong những yếu tố nguy cơ hàng đầu gây tổn thương tâm lý lâu dài ở trẻ vị thành niên. Nhiều nghiên cứu ghi nhận hậu quả của bạo lực học đường không chỉ dừng lại ở tổn thương thể chất mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe tâm thần, làm tăng nguy cơ trầm cảm, tự làm hại, giảm lòng tự trọng và ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng cuộc sống ngay cả khi trưởng thành (Armitage, 2021; Zhao và cộng sự, 2024). Đáng chú ý, tác động của bạo lực học đường không chỉ giới hạn ở học sinh mà còn lan tỏa sang gia đình, trong đó cha mẹ là những người chịu ảnh hưởng cảm xúc sâu sắc. Cảm giác lo âu, bất lực, tức giận hay tội lỗi có thể làm giảm chất lượng đời sống tinh thần của cha mẹ, đồng thời ảnh hưởng đến quan hệ cha mẹ - con cái, từ đó gián tiếp tác động đến sự phát triển toàn diện của trẻ (Deli và cộng sự, 2024; Waasdorp và cộng sự, 2011).

Nhận thức (perception) thường được định nghĩa là quá trình con người tiếp nhận, giải thích và đánh giá thông tin từ môi trường xung quanh (Neisser, 1967). Trong lĩnh vực giáo dục, nhận thức của cha mẹ được hiểu là cách cha mẹ cảm nhận, hiểu và phản ứng trước các vấn đề liên quan đến sự phát triển và an toàn của con cái (Soliman và cộng sự, 2018). Đối với bạo lực học đường, nhiều nghiên cứu đã khẳng định nhận thức của cha mẹ có vai trò quan trọng trong việc phòng ngừa và can thiệp. Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng nhận thức của cha mẹ về bạo lực học đường có vai trò quan trọng trong việc hình thành và ứng phó với hành vi của học sinh. Baldry và Farrington (2000) chứng minh rằng phong cách nuôi dạy và mức độ quan tâm của cha mẹ ảnh hưởng trực tiếp đến xu hướng bạo lực của trẻ. Tương tự, Waasdorp và cộng sự (2011) phát hiện khi cha mẹ tin tưởng vào môi trường học đường an toàn, họ có xu hướng tăng cường đối thoại với con và hợp tác với giáo viên trong phòng chống bắt nạt. Trong bối cảnh châu Á, Zhao và cộng sự (2024) cho thấy cha mẹ thường quy trách nhiệm về bạo lực học đường cho gia đình và môi trường xã hội, từ đó định hình cách họ can thiệp và hỗ trợ con cái. Tuy nhiên, nhiều cha mẹ vẫn có xu hướng nhận diện chưa đầy đủ các dạng bạo lực tinh thần hoặc bạo lực qua mạng (Modecki và cộng sự, 2014; Kowalski và cộng sự, 2021), dẫn đến nguy cơ bỏ sót những tổn thương ít thấy nhưng nghiêm trọng. Nhận thức đúng đắn, đặc biệt về hậu quả tâm lý lâu dài như trầm cảm, lo âu hay ý định tự tử, có thể thúc đẩy cha mẹ chủ động phối hợp với nhà trường để bảo vệ con cái (Armitage, 2021; Bhatia, 2023).

Tại Việt Nam, bạo lực học đường là vấn đề đáng lo ngại và được ghi nhận trong nhiều báo cáo. Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2019 (dẫn theo Cảnh báo bệnh tâm lý từ bạo lực học đường, Hồng Sơn, 2023), mỗi năm có hơn 1.600 vụ việc liên quan đến bạo lực học đường được báo cáo chính thức, tuy nhiên, con số thực tế được cho là cao hơn nhiều do nhiều vụ việc không được

phát hiện hoặc không được công khai. Các khảo sát tại Đắk Lắk, Thành phố Hồ Chí Minh và nhiều tỉnh thành khác cho thấy học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông là nhóm dễ bị ảnh hưởng nhất, với các hình thức phổ biến như đánh hội đồng, bạo lực mạng, chế giễu ngoại hình và năng lực học tập (Lê Duy và cộng sự, 2025; Trần Văn Dũng, 2019). Một số nghiên cứu gần đây đã bước đầu đề cập đến vai trò của cha mẹ trong việc phòng chống bạo lực học đường, tuy nhiên vẫn còn rời rạc và chưa hệ thống (Lê Duy và cộng sự, 2025). Đặc biệt, các nghiên cứu chuyên sâu về thái độ, cảm xúc và nhận thức của cha mẹ trước bạo lực học đường ở Việt Nam vẫn còn rất hạn chế.

Xuất phát từ bối cảnh trên, nghiên cứu này được tiến hành nhằm khảo sát thực trạng nhận thức của cha mẹ có con tuổi vị thành niên đối với bạo lực học đường tại tỉnh Bắc Giang (nay là Bắc Ninh) từ đó đưa ra những khuyến nghị giúp nâng cao nhận thức của cha mẹ về vấn đề này nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực, nâng cao sự hỗ trợ từ gia đình đến nhà trường và học sinh. Dựa trên các nghiên cứu trước đây, nhóm nghiên cứu khu trú nhận thức của cha mẹ về bạo lực học đường thành bốn khía cạnh chính: (1) nhận thức về thực trạng bạo lực học đường; (2) nhận thức về hình thức bạo lực - bao gồm bạo lực thể chất, tinh thần, xã hội và bạo lực mạng; (3) nhận thức về nguyên nhân - từ yếu tố gia đình, cá nhân học sinh, tác động truyền thông cho đến chính sách và quản lý nhà trường và (4) nhận thức về hậu quả - cha mẹ đánh giá ảnh hưởng của bạo lực đến sức khỏe thể chất, tinh thần và nguy cơ lệch chuẩn hành vi ở trẻ.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Công cụ và quy trình thu thập dữ liệu

*** Bộ công cụ**

Tham khảo bộ công cụ đo nhận thức của cha mẹ về bạo lực học đường của Soliman và cộng sự (2018) và Warburton (2010), nhóm nghiên cứu thiết kế bảng hỏi với các nhóm nội dung chính như sau:

Thang đo Nhận thức của cha mẹ có con tuổi vị thành niên về thực trạng bạo lực học đường với 4 mệnh đề: Bạo lực giữa học sinh với học sinh; bạo lực giữa học sinh và giáo viên; bạo lực giữa giáo viên với cha mẹ; bạo lực giữa cha mẹ học sinh này với học sinh khác (Alpha của Cronbach = 0,77). Mỗi câu hỏi được đánh giá bằng thang Likert 4 mức độ từ 1 đến 4 điểm, cụ thể: 1 = Không có hoặc hiếm khi; 2 = Thi thoảng; 3 = Thường xuyên; 4 = Rất thường xuyên.

Thang đo Nhận thức về các hình thức bạo lực học đường được thể hiện qua 12 mệnh đề mô tả các biểu hiện của các hình thức bạo lực học đường phổ biến (thể chất, tinh thần, xã hội và bạo lực mạng) thông qua câu trả lời trắc nghiệm đúng/sai được mã hóa thành biến nhị phân với 0 = sai và 1 = đúng (Alpha của Cronbach = 0,89).

Thang đo Nhận thức về nguyên nhân gây ra bạo lực học đường được xây dựng gồm 7 mệnh đề. Nội dung tập trung vào các khía cạnh đến từ yếu tố gia đình, cá nhân học sinh, tác động truyền thông cho đến chính sách và quản lý nhà trường. Mỗi câu hỏi được đánh giá bằng thang Likert 4 mức độ từ 1 đến 4 điểm, cụ thể: 1 = Không ảnh hưởng; 2 = Ít ảnh hưởng; 3 = Ảnh hưởng khá nhiều; 4 = Ảnh hưởng rất nhiều. Điểm càng cao, mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này càng lớn (Alpha của Cronbach = 0,88).

Thang đo Hậu quả của bạo lực học đường được xây dựng với 6 mệnh đề tập trung vào các nội dung liên quan đến hệ quả của bạo lực học đường đến học sinh về thể chất, nguy cơ lệch chuẩn hành vi ở trẻ. Mỗi câu hỏi được đánh giá bằng thang Likert 4 mức độ từ 1 đến 4 điểm, cụ thể: 1 = Hoàn toàn sai; 2 = Sai nhiều hơn đúng; 3 = Đúng nhiều hơn sai; 4 = Hoàn toàn đúng. Thang đo có 3 mệnh đề ngược chiều đã được đổi điểm khi tính độ tin cậy. Điểm càng cao, mức độ đồng ý với mệnh đề càng lớn (Alpha của Cronbach = 0,67).

** Quy trình thu thập dữ liệu*

Trong nghiên cứu này, chúng tôi khảo sát tại 1 trường trung học cơ sở và 1 trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh). Tuy nhiên, tại thời điểm (tháng 5/2025) tỉnh Bắc Giang chưa được sáp nhập với tỉnh Bắc Ninh; vì vậy trong bài viết này chúng tôi vẫn sử dụng tên tỉnh cũ là Bắc Giang. Tỉnh Bắc Giang được lựa chọn bởi đây là địa phương đang trong quá trình đô thị hóa nhanh, có sự đa dạng về điều kiện kinh tế - xã hội và giáo dục, đồng thời cũng đối diện với nhiều thách thức trong quản lý, phòng chống bạo lực học đường. Được sự cho phép của Ban Giám hiệu của các trường, chúng tôi đến từng lớp và gửi phiếu cho cha mẹ học sinh trả lời trực tiếp qua buổi họp cha mẹ kết thúc năm học. Mỗi cha mẹ nhận được một bảng hỏi và hoàn thành việc trả lời ở ngay tại phòng học. Cán bộ nghiên cứu có mặt tại mỗi phòng học để có thể giải đáp các thắc mắc cho cha mẹ nếu có.

2.2. Mẫu nghiên cứu

Bảng hỏi được khảo sát tại địa bàn tỉnh Bắc Giang, trên 208 cha mẹ gồm 33,7% là nam, 58,7% là nữ (7,7% không trả lời về giới tính). Đặc điểm mẫu khách thể được mô tả cụ thể trong bảng 1.

Bảng 1: Đặc điểm nhân khẩu - xã hội

Nhóm nhân khẩu - xã hội	N	Tỷ lệ (%)	Nhóm nhân khẩu - xã hội	N	Tỷ lệ (%)
<i>Giới tính</i>			<i>Trình độ học vấn</i>		
Nam	70	33,7	Tiểu học	1	0,5
Nữ	122	58,7	THCS	30	14,4

Không trả lời	16	7,7	THPT	59	28,4
<i>Tuổi</i>			Cao đẳng/Đại học	68	32,7
30 - 39	64	30,8	Sau đại học	34	16,3
40 - 60	144	69,2	Không trả lời	16	7,7
<i>Cấp học của con</i>			<i>Hoàn cảnh kinh tế gia đình</i>		
THCS	62	29,8	Nghèo	6	2,9
THPT	71	34,1	Đủ ăn	121	58,2
THCS và THPT	46	22,1	Khá giả	48	23,1
Không trả lời	29	13,9	Giàu có	19	9,1
			Không trả lời	14	6,7

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Nhận thức về thực trạng bạo lực học đường của cha mẹ có con tuổi vị thành niên ở Bắc Giang

Bảng 2: Nhận thức của cha mẹ về thực trạng bạo lực học đường

Vấn đề bạo lực	M	SD
1. Bạo lực giữa giáo viên, cán bộ nhà trường với học sinh	1,23	0,55
2. Bạo lực giữa học sinh với học sinh	1,99	0,80
3. Bạo lực giữa giáo viên, cán bộ nhà trường với cha mẹ	1,13	0,44
4. Bạo lực giữa cha mẹ của học sinh này với học sinh khác	1,39	0,64

Kết quả cho thấy cha mẹ đánh giá bạo lực giữa học sinh với học sinh là phổ biến nhất trong môi trường học đường hiện nay ($M = 1,99$; $SD = 0,80$). Điều này phản ánh mức độ quan sát và nhận diện cao của cha mẹ đối với các xung đột, va chạm thường xuyên giữa học sinh - vốn là hình thức bạo lực học đường trực tiếp, dễ nhận thấy và gây quan ngại mạnh mẽ.

Ngược lại, bạo lực giữa giáo viên hoặc cán bộ nhà trường với cha mẹ ($M = 1,13$; $SD = 0,44$) và giữa giáo viên với học sinh ($M = 1,23$; $SD = 0,55$) được đánh giá ở mức thấp hơn nhiều. Kết quả này có thể phản ánh niềm tin của cha mẹ vào vai trò quản lý, giáo dục của nhà trường hoặc do hạn chế trong việc tiếp cận, quan sát trực tiếp các mâu thuẫn ở nhóm quan hệ này. Điều này phù hợp với nhận định của Baldry và Farrington (2000), rằng cha mẹ thường có xu hướng giảm nhẹ hoặc ít chú ý tới những hành vi bạo lực xuất phát từ phía người lớn trong nhà trường, do yếu tố “quyền uy” và vị thế xã hội của giáo viên.

Bạo lực giữa cha mẹ với học sinh khác ($M = 1,39$; $SD = 0,64$) cũng được ghi nhận ở mức trung bình. Mặc dù hiện tượng này không phổ biến bằng xung đột giữa học sinh, nhưng việc một số cha mẹ quát mắng, đe dọa hoặc can thiệp quá mức vào việc giáo dục trẻ khác cho thấy nhận thức của cha mẹ về “tác nhân người lớn” gây bạo lực trong môi trường học đường không hoàn toàn bị bỏ qua. Nghiên cứu gần đây của Bhatia (2023) cũng cho thấy yếu tố gia đình và sự can thiệp không phù hợp của người lớn là một trong những tác nhân có thể làm gia tăng căng thẳng tâm lý và bạo lực học đường.

Những phát hiện trên cũng tương đồng với nghiên cứu của Modecki và cộng sự (2014) và Kowalski và cộng sự (2021), vốn nhấn mạnh rằng cha mẹ thường nhận diện rõ ràng hơn các hành vi bạo lực trực diện giữa học sinh, nhưng dễ bỏ qua các hình thức bạo lực tinh thần hay gián tiếp.

3.2. Nhận thức về các hình thức bạo lực học đường của cha mẹ có con tuổi vị thành niên ở Bắc Giang

Bảng 3: Nhận thức của cha mẹ về các hình thức bạo lực học đường

Các hành vi	% trả lời đúng
1. Học sinh cầu/đánh/véo/xô đẩy/giật tóc... tác động vật lý lên cơ thể bạn	87,0
2. Học sinh chửi rửa bạn	83,7
3. Học sinh hện đánh nhau ở nhà văn hóa của thôn	82,2
4. Học sinh tung tin đồn, nói xấu sau lưng bạn	81,7
5. Học sinh ghép ảnh của bạn và đăng lên mạng	79,8
6. Học sinh bình luận bêu xấu bạn trên facebook	78,4
7. Học sinh bắt bạn cho chép bài hoặc phải làm việc gì đó mà bạn ấy không muốn	78,0
8. Học sinh nhìn chăm chăm hoặc sờ vào vùng riêng tư của bạn	74,5
9. Học sinh không cho bạn chơi cùng	66,8
10. Học sinh lấy đồ của bạn mà không trả	63,5
11. Học sinh đặt biệt hiệu cho bạn mà bạn không thích	61,1
12. Học sinh quay video là bằng chứng bạo lực ở trường	56,3

Nhìn vào bảng số liệu cho thấy phần lớn phụ huynh có nhận thức tương đối tốt về các hành vi bạo lực học đường mang tính trực tiếp và rõ ràng, Các hành vi như tác động vật lý lên cơ thể (87,0%), chửi rửa (83,7%), tung tin đồn, nói xấu sau lưng (81,7%) và hện đánh nhau (82,2%), bắt bạn chép bài hoặc làm

việc gì đó mà bạn không muốn (78,0%) được xác định đúng với tỷ lệ rất cao. Các hành vi bạo lực trực tuyến như ghép ảnh và đăng lên mạng, bình luận bêu xấu trên Facebook cũng được số đông cha mẹ trả lời đúng, tỷ lệ lần lượt 79,8% và 78,4%.

Tuy nhiên, nhận thức của phụ huynh về các hành vi mang tính xâm phạm tinh thần, cảm xúc hoặc quyền riêng tư lại có xu hướng thấp hơn. 61,1% phụ huynh nhận diện đúng hành vi đặt biệt hiệu không mong muốn và 66,8% phụ huynh xác định đúng việc loại trừ bạn khỏi nhóm chơi là một dạng bạo lực song hành vi quay video làm bằng chứng bạo lực lại chỉ ở mức 56,3%. Như vậy khoảng 1/3 phụ huynh chưa nhận thức đầy đủ về hình thức bạo lực tinh thần. Điều này phản ánh mức độ cảnh giác của cha mẹ đối với các hình thức bạo lực dễ quan sát và thường gắn với hệ quả tức thì. Phát hiện này phù hợp với nhận định của Armitage (2021) và Card và cộng sự (2008), cho rằng cha mẹ thường nhạy cảm hơn trước các biểu hiện bạo lực “trực diện” có khả năng gây tổn hại ngay lập tức cho con mình. Đây là biểu hiện của việc đánh giá thấp bạo lực tâm lý - vốn được nhiều nghiên cứu (Modecki và cộng sự, 2014; Kowalski và cộng sự, 2021) chỉ ra là có tác động lâu dài, thậm chí nghiêm trọng hơn cả bạo lực thể chất.

3.3. Nhận thức về nguyên nhân của bạo lực học đường của cha mẹ có con tuổi vị thành niên ở Bắc Giang

Bảng 4: Nhận thức của cha mẹ về nguyên nhân của bạo lực học đường

Nguyên nhân của bạo lực học đường	M	SD
1. Cha mẹ, gia đình chưa sát sao, quan tâm hoặc cũng cư xử bạo lực với con	3,32	0,87
2. Thầy cô, nhà trường gây áp lực, bức xúc	2,87	0,97
3. Bản thân tính khí của trẻ hung dữ, gây hấn	3,16	0,87
4. Phim ảnh, internet, game có nội dung bạo lực	3,31	0,87
5. Do tâm lý lứa tuổi (thiếu kiểm soát)	2,94	0,84
6. Nội quy của trường học chưa nghiêm hoặc quản lý của nhà trường kém hiệu quả	2,91	0,91
7. Pháp luật về phòng chống bạo lực chưa nghiêm	3,02	0,95

Kết quả khảo sát cho thấy cha mẹ nhìn nhận nguyên nhân của bạo lực học đường đến từ nhiều cấp độ: gia đình, cá nhân học sinh, môi trường học đường và yếu tố xã hội. Trong đó, gia đình được đánh giá là nguyên nhân quan trọng hàng đầu với điểm trung bình cao nhất ($M = 3,32$; $SD = 0,87$). Điều này phản ánh nhận thức của cha mẹ về tác động của cách ứng xử trong gia đình đối với hành vi học sinh, đặc biệt là qua hình mẫu hành vi bạo lực. Nhận thức này gần gũi với kết quả nghiên cứu tại Trung Quốc (Zhao và cộng sự, 2024), khi cha mẹ thường quy

trách nhiệm về bạo lực học đường cho yếu tố gia đình và môi trường xã hội gần gũi thay vì hệ thống pháp luật. Đồng thời, kết quả cũng cho thấy sự phù hợp với nghiên cứu của Baldry và Farrington (2000) cũng như Jin, Dong và Du (2022), vốn nhấn mạnh vai trò nền tảng của môi trường gia đình trong việc hình thành hành vi bạo lực hoặc hành vi thích ứng ở trẻ.

Ngoài ra, ảnh hưởng của phim ảnh, internet và game có nội dung bạo lực cũng được cha mẹ đánh giá cao ($M = 3,31$). Nhận thức này cho thấy mối quan ngại ngày càng lớn của cha mẹ trước sự lan tỏa của truyền thông và công nghệ, đồng thời củng cố kết quả từ nghiên cứu của Anderson và cộng sự (2010), khẳng định việc tiếp xúc thường xuyên với sản phẩm bạo lực trên phương tiện truyền thông có thể làm gia tăng xu hướng hung tính ở thanh thiếu niên.

Ở mức độ cá nhân, cha mẹ cũng cho rằng tới tính khí hung dữ, gây hấn của trẻ ($M = 3,16$) và tâm lý lứa tuổi, sự thiếu kiểm soát cảm xúc ($M = 2,94$) cũng là nguyên nhân dẫn đến bạo lực học đường. Nhận định này tương đồng với nghiên cứu của Card và cộng sự (2008), vốn cho rằng đặc điểm khí chất và sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ là yếu tố dễ dẫn đến hành vi bạo lực nếu thiếu định hướng và hỗ trợ từ gia đình, nhà trường.

Ngược lại, các yếu tố mang tính hệ thống và chính sách lại được cha mẹ đánh giá thấp hơn. “Nội quy của trường học chưa nghiêm hoặc quản lý của nhà trường kém hiệu quả” ($M = 2,91$; $SD = 0,91$) và “Pháp luật về phòng chống bạo lực chưa nghiêm” ($M = 3,02$; $SD = 0,95$) nằm ở nhóm điểm thấp hơn. Kết quả này cho thấy sự hạn chế trong nhận thức của cha mẹ về vai trò điều chỉnh của hệ thống pháp luật và chính sách giáo dục trong phòng ngừa bạo lực học đường. Trong khi đó, nhiều nghiên cứu (Armitage, 2021; Bhatia, 2023) đã chỉ ra rằng cơ chế chính sách, sự quản lý của nhà trường và tính nghiêm minh của pháp luật có ảnh hưởng quan trọng tới việc duy trì môi trường học tập an toàn.

3.4. Nhận thức về hậu quả bạo lực học đường của cha mẹ có con tuổi vị thành niên ở Bắc Giang

Bảng 5: Nhận thức của cha mẹ về hậu quả bạo lực học đường

Nhận thức của cha mẹ về hậu quả của bạo lực học đường	M	SD
1. Không ảnh hưởng gì, trẻ sẽ quên đi nhanh chóng	1,23	0,61
2. Bạo lực thể chất có thể gây thương tích, còn bạo lực tinh thần thì không	1,71	1,09
3. Bạo lực tinh thần có thể khiến học sinh bị trầm cảm, lo âu, căng thẳng,... thậm chí có ý muốn tự tử	3,34	1,06
4. Trẻ gây bạo lực có thể trở thành tội phạm trong tương lai	3,13	1,00
5. Trẻ con đánh nhau, chửi nhau là chuyện bình thường, thời xưa mình cũng vậy	1,92	1,06
6. Trẻ con cần làm quen với sự khắc nghiệt của xã hội	2,19	1,15

Kết quả khảo sát cho thấy đa số cha mẹ đã có nhận thức đúng đắn về tác động tiêu cực của bạo lực học đường, đặc biệt là những hệ quả lâu dài của bạo lực tinh thần. Mệnh đề “bạo lực tinh thần có thể khiến học sinh bị trầm cảm, lo âu, căng thẳng, thậm chí có ý muốn tự tử” được đánh giá cao nhất ($M = 3,34$; $SD = 1,06$), phản ánh sự cảnh giác ngày càng cao của cha mẹ đối với tổn thương tâm lý. Kết quả này phù hợp với nhận định của Armitage (2021) và Bhatia (2023), vốn nhấn mạnh rằng bạo lực tinh thần có thể để lại hậu quả sâu rộng và kéo dài hơn so với bạo lực thể chất.

Bên cạnh đó, nhận định “trẻ gây bạo lực có thể trở thành phạm tội trong tương lai” ($M = 3,13$) cũng được đánh giá cao, cho thấy cha mẹ có hiểu biết nhất định về mối liên hệ giữa hành vi bạo lực ở tuổi thiếu niên và nguy cơ phạm pháp ở giai đoạn trưởng thành. Phát hiện này tương đồng với các nghiên cứu của Farrington (1993) và Baldry và Farrington (2000), trong đó hành vi bạo lực học đường được coi là “dấu hiệu sớm” của các hành vi lệch chuẩn về sau.

Ngược lại, một số quan điểm mang tính xem nhẹ hậu quả vẫn tồn tại. Mục “không ảnh hưởng gì, trẻ sẽ quên đi nhanh chóng” có điểm trung bình rất thấp ($M = 1,23$; $SD = 0,61$), cho thấy đa số cha mẹ bác bỏ quan điểm phủ nhận tác động tiêu cực của bạo lực học đường. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận cha mẹ tỏ ra chấp nhận hoặc bao biện với những phát biểu như “trẻ con đánh nhau, chửi nhau là chuyện bình thường, thời xưa mình cũng vậy” ($M = 1,92$) hoặc “trẻ con cần làm quen với sự khắc nghiệt của xã hội” ($M = 2,19$). Những quan điểm này phản ánh tàn dư của tư duy giáo dục truyền thống, trong đó bạo lực được coi như một phần tất yếu của quá trình trưởng thành, thay vì là vấn đề cần can thiệp. Kết quả này cũng tương đồng với quan sát của Modecki và cộng sự (2014), rằng cha mẹ đôi khi xem nhẹ các hình thức bạo lực do so sánh với trải nghiệm thời quá khứ của chính họ.

Đáng chú ý, mệnh đề “bạo lực thể chất có thể gây thương tích, còn bạo lực tinh thần thì không” chỉ đạt $M = 1,71$, cho thấy phần lớn cha mẹ đã nhận biết được tính chất nguy hiểm của bạo lực tinh thần, mặc dù vẫn còn một tỷ lệ nhỏ chưa nhận diện đầy đủ mức độ nghiêm trọng của tổn thương phi thể chất.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy cha mẹ có con tuổi vị thành niên tại Bắc Giang nay là tỉnh Bắc Ninh nhìn chung nhận thức khá rõ về thực trạng, hình thức, nguyên nhân và hậu quả của bạo lực học đường, song mức độ hiểu biết vẫn chưa toàn diện. Cha mẹ nhận diện tốt bạo lực thể chất và ngôn ngữ trực tiếp, nhưng còn hạn chế trong việc nhận biết bạo lực tinh thần, xã hội và bạo lực qua mạng. Họ cho rằng gia đình, cá nhân học sinh và ảnh hưởng của truyền thông là nguyên nhân chính, trong khi vai trò của chính sách, pháp luật và quản lý nhà trường chưa được đánh giá đúng mức. Đa số cha mẹ ý thức rõ hậu quả nghiêm trọng của bạo lực tinh thần đối với sức khỏe tâm thần của học sinh, tuy nhiên vẫn

tồn tại một số quan điểm bao dung hoặc xem nhẹ bạo lực do ảnh hưởng của tư duy giáo dục truyền thống.

Từ kết quả này, có thể rút ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao nhận thức của cha mẹ: (1) nhà trường, các tổ chức xã hội cần có các chương trình truyền thông - giáo dục dành riêng cho cha mẹ để giúp họ nhận diện đầy đủ các dạng bạo lực, đặc biệt là bạo lực tinh thần và bạo lực qua mạng; (2) nhà trường cần tăng cường phối hợp với gia đình, cung cấp thông tin minh bạch về tình trạng bạo lực học đường và các biện pháp can thiệp; (3) các cơ quan quản lý giáo dục nên xây dựng cơ chế gắn kết cha mẹ vào các hoạt động phòng chống bạo lực, giúp họ trở thành nguồn lực hỗ trợ quan trọng cho học sinh và giáo viên.

Giới hạn nghiên cứu: Nghiên cứu sử dụng bảng hỏi tự thiết kế, mặc dù được xây dựng dựa trên cơ sở lý thuyết và bối cảnh thực tiễn, song chưa qua thử nghiệm chuẩn hóa và kiểm định tâm lý đo lường, nên có thể tiềm ẩn rủi ro về độ giá trị và độ tin cậy. Bên cạnh đó, đây là một nghiên cứu cắt ngang, chỉ phản ánh nhận thức của cha mẹ tại một thời điểm và trên phạm vi địa phương, chưa làm rõ được mối quan hệ nhân quả. Do đó, các nghiên cứu tương lai cần thiết kế nghiên cứu theo chiều dọc, mở rộng mẫu trên nhiều tỉnh thành và sử dụng các thang đo chuẩn hóa quốc tế để củng cố và so sánh kết quả.

Chú thích:

Bài viết này là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài cấp cơ sở năm 2025: *Thái độ của cha mẹ có con tuổi vị thành niên về bạo lực học đường*; Viện Xã hội học và Tâm lý học chủ trì; TS. Nguyễn Thị Chính làm chủ nhiệm đề tài.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Trần Văn Dũng (2019). Thực trạng bạo lực học đường trong học sinh trung học phổ thông: Nghiên cứu trường hợp tại Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Xã hội học*, số 4, 67-79.
2. Lê Duy, Huỳnh Thế Giao, Nguyễn Thị Hương Oanh, Băng Quang Vũ Khánh, & Dũng Phan Quốc (2025). Bạo lực học đường và các yếu tố liên quan của học sinh tại một trường trung học phổ thông huyện Krông Pắc, Đắk Lắk, Việt Nam năm 2023. *Tạp chí Y học Dự phòng*, 35(1), 38-45.
3. Hồng Sơn (2023). Cảnh báo bệnh tâm lý từ bạo lực học đường. *Báo Nhân dân*. <https://nhandan.vn/canh-bao-benh-tam-ly-tu-bao-luc-hoc-duong-post787611.html>

Tài liệu tiếng Anh

4. Armitage, R. (2021). Bullying in schools: An international perspective. *Children and Youth Services Review*, 121, 105860. <https://doi.org/10.1016/j.childyouth.2020.105860>.

5. Baldry, A. C., & Farrington, D. P. (2000). Bullies and delinquents: Personal characteristics and parenting styles. *Journal of Community & Applied Social Psychology*, 10(1), 17-31. [https://doi.org/10.1002/\(SICI\)1099-1298\(200001/02\)10:1<17:AID-CASP526>3.0.CO;2-M](https://doi.org/10.1002/(SICI)1099-1298(200001/02)10:1<17:AID-CASP526>3.0.CO;2-M).
6. Bhatia, R. (2023). School bullying and adolescent mental health: A global overview. *Journal of Adolescent Health*, 73(4), 612-619. <https://doi.org/10.1016/j.jadohealth.2023.06.012>.
7. Card, N. A., Stucky, B. D., Sawalani, G. M., & Little, T. D. (2008). Direct and indirect aggression during childhood and adolescence: A meta-analytic review of gender differences, intercorrelations, and relations to maladjustment. *Child Development*, 79(5), 1185-1229. <https://doi.org/10.1111/j.1467-8624.2008.01184.x>.
8. Cook, C. R., Williams, K. R., Guerra, N. G., Kim, T. E., & Sadek, S. (2010). Predictors of bullying and victimization in childhood and adolescence: A meta-analytic investigation. *School Psychology Quarterly*, 25(2), 65-83. <https://doi.org/10.1037/a0020149>.
9. Deli, P., Moissoglou, I., Galanis, P., Toska, A., Fradelos, E. C., Tsiachri, M.,... & Saridi, M. (2024). Parents' attitudes, perceptions and coping strategies regarding school bullying. *International Journal of Adolescent Medicine and Health*, 36(3), 315-320. <https://doi.org/10.1515/ijamh-2022-0177>.
10. Farrington, D. P. (1993). Understanding and preventing bullying. In M. Tonry & N. Morris (Eds.), *Crime and justice: A review of research* (Vol. 17, pp. 381-458). University of Chicago Press.
11. Gini, G., & Pozzoli, T. (2021). Bullied children and psychosomatic problems: A meta-analysis. *Pediatrics*, 123(3), 1059-1065. <https://doi.org/10.1542/peds.2008-1215>.
12. Hymel, S., & Bonanno, R. A. (2014). Moral disengagement processes in bullying. *Theory Into Practice*, 53(4), 278-285. <https://doi.org/10.1080/00405841.2014.947219>.
13. Jin, X., Dong, Y., & Du, W. (2022). The impact of family factors on children's mental health during home quarantine: An empirical study in Northwest China. *Sustainability*, 14(12), 7202. <https://doi.org/10.3390/su14127202>.
14. Kowalski, R. M., Giumetti, G. W., Schroeder, A. N., & Lattanner, M. R. (2021). Bullying in the digital age: A critical review and meta-analysis of cyberbullying research. *Psychological Bulletin*, 147(4), 301-330. <https://doi.org/10.1037/bul0000309>.
15. Modecki, K. L., Minchin, J., Harbaugh, A. G., Guerra, N. G., & Runions, K. C. (2014). Bullying prevalence across contexts: A meta-analysis measuring cyber and traditional bullying. *Journal of Adolescent Health*, 55(5), 602-611. <https://doi.org/10.1016/j.jadohealth.2014.06.007>.
16. Neisser, U. (1967). *Cognitive psychology*. Prentice-Hall.
17. OECD (2019). *PISA 2018 results (Volume III): What school life means for students' lives*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/acd78851-en>.
18. Soliman, H. H., Koran, J., & Gomaa, A. S. (2018). Parents' perception of school violence, awareness of risk factors, and school safety: An ecological perspective.

International Journal of School Social Work, 3(1). <https://doi.org/10.4148/2161-4148.1033>.

19. UNESCO (2020). *Behind the numbers: Ending school violence and bullying*. UNESCO Publishing.

20. Waasdorp, T. E., Bradshaw, C. P., & Duong, J. (2011). The link between parents' perceptions of the school and their responses to school bullying: Variation by child characteristics and the forms of victimization. *Journal of Educational Psychology*, 103(2), 324-335. <https://doi.org/10.1037/a0022748>.

21. Wang, C., Ryoo, J. H., Swearer, S. M., Turner, R., & Goldberg, T. S. (2017). Longitudinal relationships between bullying and mental health among adolescents. *Journal of Adolescence*, 57, 1-12. <https://doi.org/10.1016/j.adolescence.2017.03.003>.

22. Warburton, B. R. (2010). *Parents' perceptions of bullying prevalence, type, and intervention efforts in Utah schools*. Doctoral dissertation. Brigham Young University. <https://scholarsarchive.byu.edu/etd/2357>.

23. World Health Organization (2022). *School violence and bullying: Global status report 2022*. WHO Press.

24. Zhao, N., Yang, S., Zhang, Q., Wang, J., Xie, W., Tan, Y., & Zhou, T. (2024). School bullying results in poor psychological conditions: Evidence from a survey of 95,545 subjects. *Frontiers in Psychology*, 15, 1279872. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2024.1279872>.